

Bản án số: 381/2025/HS-PT

Ngày 14-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thanh C và bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T và có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thanh C, sinh năm 1974 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V (đã chết); bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không đi học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Hồng H1 (đã chết); bị cáo có chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo và bị kháng nghị:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị cáo có liên quan đến kháng nghị:

1. Nguyễn Trọng A, sinh năm 1977 tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: D261E, tổ A, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện tại: 106B, tổ B, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Trọng H2 và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 173/HSST ngày 15/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 03 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, ngày 27/4/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 18/4/2012, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, nộp sung công 200.000 đồng và đã xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có đơn xin vắng mặt.

2. Nguyễn Đình L, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Lê Thị H3; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo cho các bị cáo Nguyễn Thanh C và Nguyễn Thị Thu T: Ông Đỗ Thanh T1 - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, Đội cảnh sát hình sự Công an huyện D tiếp nhận tin báo về tội phạm từ Công an xã L về việc bà Nguyễn Thị Xuân H4, sinh năm 1979, ngụ ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo chồng bà là Nguyễn Văn K đặt mua 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C với giá 18.000.000 đồng nhưng không cần nộp hồ sơ và đi thi của một người đàn ông (không rõ lai lịch) và hẹn ông K vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày 27/6/2023 gặp nhau tại ngã ba thuộc ấp L, xã L để nhận giấy phép lái xe ô tô, nghi vấn ông K đặt mua giấy phép lái xe ô tô là giả nên bà H4 đến Công an xã L trình báo vụ việc.

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, Nguyễn Thanh C điều khiển ô tô biển số 61E-007.36 trên tuyến đường thuộc huyện D, tỉnh Bình Dương thì bị Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện D ra hiệu lệnh dừng phương tiện và tiến hành kiểm tra nồng độ cồn, phát hiện trong hơi thở của C có nồng độ cồn vượt quá 0.4miligam/1 lít khí thở nên tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng C số 740133017811 do Sở G cấp ngày 19/3/2020, xử phạt số tiền 35.000.000 đồng và tước giấy phép lái xe hạng C (23 tháng từ ngày ký quyết định). Do bị tước giấy phép lái xe hạng C, C không đủ điều kiện lái xe ô tô chở khách kiếm tiền. Vì vậy, tháng 3/2023, C liên hệ với Nguyễn Đình L để đặt mua 01 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C giả. Nguyễn Đình L gọi điện thoại cho Nguyễn Trọng A nhờ Anh làm cho L 01 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C “không cần phải thi”. Anh nói với L trên mạng có đăng bán. L nói không biết cách mua trên mạng nên L nhờ Anh mua dùm. Anh đồng ý. Anh lên mạng xã hội facebook tên “Trọng A” tìm kiếm để đặt mua giấy phép lái xe thì thấy có một trang quảng cáo (không xác định được tên trang quảng cáo) và đăng tải số điện thoại (không xác định được số). Anh sử dụng sim số 0962.397.202 gọi liên hệ mua 01 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C thì nghe giọng nói người phụ nữ (không xác định được nhân thân lai lịch) nói giấy phép lái xe có giá 1.500.000 đồng. Anh đồng ý. Anh gọi điện thoại cho L báo giá 1.500.000 đồng và nói L chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 9967979797 mang tên Đình Thị H5 (do thẻ ngân hàng của A bị lỗi nên nhờ chuyển vào số tài khoản của H5. Anh nhờ H5 rút số tiền 1.500.000 đồng để đưa cho người giao hàng. L đồng ý. L gọi điện cho C báo giá 3.000.000 đồng thì C đồng ý mua. C cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của C cho L. Lợi gửi những thông tin của C cho A. Anh chuyển tiếp tin nhắn hình ảnh, thông tin cá nhân của Anh cho người phụ nữ thông qua tin nhắn Zalo. Người phụ nữ hẹn Anh khoảng 03 đến 05 ngày nhận được giấy phép lái xe giả thông qua giao hàng theo địa chỉ mà A cung cấp. Sau khi nhận được 01 giấy phép lái xe giả hạng A1, C mang tên Nguyễn Thanh C (không có hồ sơ), Anh đưa 1.500.000 đồng cho nhân viên giao hàng và gửi giấy phép lái xe giả qua bưu điện cho L theo địa chỉ L cung cấp. Sau khi nhận được giấy phép lái xe giả, L phát hiện sai thông tin xã L nhưng giấy phép lái xe giả ghi là “xã L” nên L nhờ Anh sửa lại địa chỉ cho đúng. Anh gọi điện nói người phụ nữ. Khoảng 03 ngày sau thì A nhận được giấy phép lái xe giả có ghi xã “L”. Anh gửi lại cho L. L đưa cho C và nhận số tiền 3.000.000 đồng.

Đến tháng 6 năm 2023, Nguyễn Thị Thu T là bạn gái C nhờ C đặt mua 01 giấy phép lái xe hạng C cho T để T sử dụng khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông. C đồng ý. C lên mạng xã hội tìm kiếm các trang quảng cáo bán giấy phép lái xe giả. C tìm thấy trang (không xác định được) với nội dung làm bằng lái xe có hồ sơ gốc, có đăng tải số điện thoại 0386.950.531. C sử dụng số điện thoại 0353.381.051 gọi vào số điện thoại trên để mua giấy phép lái xe hạng C cho T thì nghe giọng của một người phụ nữ và một người đàn ông báo giá 4.000.000 đồng. C đồng ý. Người đàn ông nói C kết bạn Zalo qua số điện thoại 0386.950.531 để gửi thông tin cá nhân và hình ảnh của T. T đưa căn cước công dân và hình ảnh của T cho C. C sử dụng điện thoại chụp hình căn cước công dân và hình ảnh của T gửi cho người đàn ông đó. Người đàn ông hẹn C khoảng 03 đến 05 ngày thì nhận được

giấy phép lái xe. Khoảng 03 ngày sau, C nhận được giấy phép lái xe hạng C giả và 01 bộ hồ sơ giả từ người giao hàng, C nói T đưa 4.000.000 đồng trả cho người giao hàng. Bộ hồ sơ và giấy phép lái xe hạng C (bao gồm 04 tài liệu) C đưa cho T cất giữ.

Ngày 13/6/2023, C điều khiển xe ô tô biển số 61E-007.36 đến nhà ông Tám L1 thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) để uống rượu thì gặp Nguyễn Văn K. Tại đây, K nói có nhu cầu mua xe ô tô nhưng không có giấy phép lái xe ô tô, nên C đã giới thiệu cho K làm giấy phép lái xe hạng C giả mà không cần đi học và đi thi với giá 18.000.000 đồng thì K đồng ý. K cung cấp hình ảnh, căn cước công dân cho C. C sử dụng điện thoại di động của mình chụp hình lại hình ảnh và căn cước công dân của K. Sau đó, C nhắn tin cho người đàn ông sử dụng Zalo số điện thoại 0386.950.531 để gửi thông tin cá nhân và hình ảnh của K và đặt mua giấy phép lái xe hạng C giả với giá 4.000.000 đồng. Sau khoảng 03 đến 05 ngày, C nhận được 01 giấy phép lái xe hạng C giả và 01 bộ hồ sơ (bao gồm 04 tài liệu) từ người giao hàng nhưng C chưa trả tiền cho người giao hàng. Nhận được giấy phép lái xe hạng C giả, C hẹn K đến quán D thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để giao. T điều khiển xe ô tô biển số 61E-007.36 chở C đến quán lâu đài gặp K. Khi C đang đưa giấy phép lái xe giả cho K thì bị Công an xã L mời về làm việc.

Quá trình điều tra, Công an thu giữ :

02 “Giấy phép lái xe” (PET) cùng số 740133017811, hạng A1, C mang tên Nguyễn Thanh C.

Các tài liệu cùng mang tên Nguyễn Văn K bao gồm: 01 “Giấy phép lái xe” (PET) số 740232006854, hạng C; 01 “biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe”; 01 “chứng chỉ sơ cấp” số hiệu 0102168; 01 “giấy khám sức khỏe của người lái xe” số 1405/GKSKLX.

Các tài liệu cùng mang tên Nguyễn Thị Thu T bao gồm: 01 “Giấy phép lái xe” (PET) số 741232006688, hạng C; 01 “Chứng chỉ sơ cấp”; 01 “Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe”; 01 “Giấy khám sức khỏe của người lái xe” số 1405/GKSKLX.

Thu giữ của Nguyễn Thanh C: 01 xe ô tô biển số 61E-007.36, nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe ô tô con, loại Xpander Cross, màu sơn cam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đỏ, kèm theo sim V1 có dãy số 8984048000386743210 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh kèm theo sim V1 có dãy số 8984048000911759141.

Thu giữ của Nguyễn Đình L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A14, màu xám, bên trong có gắn sim Viettel 0388.553.390.

Thu giữ của Nguyễn Văn K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh gắn sim số 0363.039.478.

- Kết luận giám định số 359/KL-KTHS (TL) ngày 08/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định:

Mẫu cần giám định: 06 tài liệu, bao gồm: Hai “Giấy phép lái xe” (PET) cùng số 740133017811, hạng A1, C mang tên “Nguyễn Thanh C”, sinh ngày 12/12/1974, nơi cư trú: xã L và xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, cùng đề ngày 21/6/2022 (ký hiệu A1 và A2) và 04 tài liệu mang tên “Nguyễn Văn K”, sinh ngày 01/01/1969, HKTT: xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương: 01 “Giấy phép lái xe” (PET) số 740232006854, hạng C, đề ngày 18/6/2023 (ký hiệu A3). 01 “biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe” số báo danh 157, đề ngày 15/6/2023 (ký hiệu A4). 01 “chứng chỉ sơ cấp” số hiệu 0102168, số vào sổ cấp bằng 2168-C, đề ngày 15/6/2023 (ký hiệu A5). 01 “giấy khám sức khỏe của người lái xe” số 1405/GKSKLX (không ghi thông tin), không đề ngày, tháng, năm (ký hiệu A6).

Kết luận: 03 “Giấy phép lái xe” (PET) số 740133017811 và 740232006854 tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) và các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A4 đến A6) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Kết luận giám định số 360/KL-KTHS (TL) ngày 03/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định:

Mẫu cần giám định: 04 tài liệu, bao gồm: 01 “Giấy phép lái xe” (PET) số 741232006688, hạng C, họ tên “Nguyễn Thị Thu T”, sinh năm 1980, nơi cư trú: X. L, H. D, T. B, đề ngày 18/5/2023 (ký hiệu A1). 01 “Chứng chỉ sơ cấp” cấp cho “Nguyễn Thị Thu T”, số hiệu 01012183, số vào sổ cấp bằng 2183-C, đề ngày 15/5/2023 (ký hiệu A2). 01 “Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe” số báo danh 138, họ tên thí sinh “Nguyễn Thị Thu T”, đề ngày 15/5/2023 (ký hiệu A3). 01 “Giấy khám sức khỏe của người lái xe” số 1405/GKSKLX, không ghi nội dung, không đề ngày, tháng, năm (ký hiệu A4).

Kết luận: “Giấy phép lái xe” (PET) số 741232006688, hạng C, họ tên “Nguyễn Thị Thu T”, sinh năm 1980, nơi cư trú: X. L, H. D, T. B, đề ngày 18/5/2023 (ký hiệu A1) là giả; 03 tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A2 đến A4) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Công văn số 6641/SLĐTBXH-GDNN ngày 09/8/2023 của Sở L3 trả lời như sau: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Sở L4 quản lý 13 cơ sở đào tạo lái xe hạng B, C. Trong đó, không có đơn vị nào đào tạo lái xe ô tô nào tên “Trung tâm Đ1”, Sở không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và không quản lý Trung tâm Đ1. Theo quy định hiện hành, mẫu phôi của Trung tâm Đ1 cấp cho 02 học viên tên Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn K là không được sử dụng ở thời điểm hiện nay.

- Công văn số 344/BV-KHTH ngày 14/8/2023 của Bệnh viện G1 trả lời như sau: Ông Nguyễn Văn T2 không phải là nhân viên của Công ty cổ phần G1. Bệnh viện G1 chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 05/01/2016. Bệnh viện đã không còn sử dụng mẫu dấu tròn “Bệnh viện G1”.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS-DT ngày 31/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiêng, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Nguyễn Thanh C về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng A, Nguyễn Đình L, Nguyễn Thị Thu T,

Nguyễn Văn K về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Trọng A, Nguyễn Đình L và Nguyễn Văn K phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.2 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.3 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng A về cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Trọng A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 69 về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án buộc phải thi hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình L về cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Đình L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 69 về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án buộc phải thi hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K về cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện

theo quy định Điều 69 về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án buộc phải thi hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Thu T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/4/2025, bị cáo Nguyễn Thanh C kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) có Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSBD-P7 xác định: cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn K và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bị cáo Nguyễn Thanh C, nên kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm theo hướng hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh C:

Do bị tước giấy phép lái xe hạng C, bị cáo C không đủ điều kiện lái xe ô tô chở khách kiếm tiền. Vì vậy, vào tháng 3/2023, bị cáo C thực hiện hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo Nguyễn Đình L để đặt làm giả 01 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C nhằm mục đích sử dụng khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông (nếu cảnh sát giao thông kiểm tra thì sẽ xuất trình đưa cho cảnh sát giao thông). Sau khi nhận được giấy phép lái xe giả, bị cáo C đã sử dụng để chở khách 03 lần đi các tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang. Do đó, hành vi trên của bị cáo C đã cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong thời gian tháng 6/2023, bị cáo C còn có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn K cho 01 người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) để làm giả 02 giấy phép lái xe hạng C cho bị cáo T với giá 4.000.000 đồng và cho bị cáo K với giá 18.000.000 đồng để hưởng tiền chênh lệch. Do đó, hành vi trên của bị cáo C đã cấu thành tội “Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, bị cáo C đã thực hiện 02 hành vi đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành 02 tội danh độc lập là tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đối với hành vi đặt làm giả giấy phép lái xe để bị cáo C sử dụng và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” đối với hành vi đặt làm giả giấy phép lái xe cho bị cáo T và bị cáo K để thu lợi. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử bị cáo C về tội “Làm giả

tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có dấu hiệu bỏ lọt tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T: Bị cáo T có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo C để làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C nhằm mục đích để sử dụng nên hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và không đúng tội danh mà bị cáo thực hiện.

- Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K: Bị cáo K có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo C để làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C nhằm mục đích để sử dụng, do đó hành vi của bị cáo K có dấu hiệu phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cấu thành cơ bản của tội danh này phải có hành vi sử dụng tài liệu giả thực hiện hành vi trái pháp luật, nhưng trong vụ án này, khi bị cáo C đang đưa giấy phép lái xe giả cho bị cáo K thì bị Công an xã L mời về làm việc nên bị cáo K chưa thực hiện được hành vi trái pháp luật. Do đó, việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo K về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là không phù hợp nên cần xem xét lại hành vi phạm tội của K để có căn cứ xử lý phù hợp.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, để bảo đảm việc xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo đúng với diễn biến hành vi khách quan, ý thức chủ quan, đúng và đủ tội danh.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-P7 ngày 17/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); hủy 01 phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn K.

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T trình bày: đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Đình L và Nguyễn Văn K thừa nhận về hành vi phạm và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các kết luận giám định và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2023, tại xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Nguyễn Thanh C đã 03 lần thực hiện hành vi cung cấp hình ảnh và thông tin cá nhân của bị cáo C cho bị cáo L và của bị cáo T, của bị cáo K cho 01 người đàn ông không xác định được nhân thân, lai lịch để làm giả 01 giấy phép lái xe hạng tích hợp hạng A1, C và 02 giấy phép lái xe hạng C, bao gồm 10 tài liệu giả (lần 1: 02 tài liệu mang tên Nguyễn Thanh C, lần 2: 04 tài liệu mang tên Nguyễn Thị Thu T, lần 3: 04 tài liệu mang tên Nguyễn Văn K).

Đối với bị cáo Nguyễn Đình L đã thực hiện hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của bị cáo C cho bị cáo Nguyễn Trọng A làm giả 02 giấy phép lái xe hạng tích hợp hạng A1, C gồm 02 tài liệu và thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng A có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của bị cáo C cho một người phụ nữ không xác định được nhân thân, lai lịch làm giả 02 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C gồm 02 tài liệu.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo C để làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 bộ hồ sơ kèm theo gồm 03 tài liệu.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo C để làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 bộ hồ sơ kèm theo gồm 03 tài liệu.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh C có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo Nguyễn Đình L để đặt làm giả 01 giấy phép lái xe tích hợp hạng A1, C nhằm mục đích sử dụng khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông (nếu cảnh sát giao thông kiểm tra thì sẽ xuất trình đưa cho cảnh sát giao thông), sau khi nhận được giấy phép lái xe giả, theo lời khai của bị cáo C (tại bút lục số 424) đã sử dụng để chở 03 lần khách đi các tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang. Do đó, hành vi trên của bị cáo C có dấu hiệu cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ bị cáo C đã sử dụng giấy phép lái xe giả để thực hiện hành vi trái pháp luật hay chưa (có xuất trình giấy phép lái xe cho lực lượng Cảnh sát giao thông hay không?)

Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Thu T có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của mình cho bị cáo C để làm giả giấy phép

lái xe nhằm mục đích để sử dụng, do đó hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Thu T có dấu hiệu phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ các bị cáo K và T đã sử dụng giấy phép lái xe giả để thực hiện hành vi trái pháp luật hay chưa. Do đó việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Thu T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là chưa phù hợp.

Đồng thời, hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình L và Nguyễn Trọng A có vai trò đồng phạm trong việc làm giả con dấu, tài liệu cho bị cáo Nguyễn Thanh C. Do xác định có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và sai tội danh đối với các bị cáo C, T và K, từ đó dẫn đến việc đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm của các bị cáo L và Anh trong vụ án chưa phù hợp. Mặt khác, do các bị cáo Nguyễn Đình L và Nguyễn Trọng A không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị bất lợi nên cấp phúc thẩm không thể xét lại bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi cho các bị cáo.

Do vậy, nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh C và Nguyễn Thị Thu T.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật là không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử. Như phân tích ở đoạn [3], để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần phải hủy toàn bộ bản án để điều tra lại.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do Bản án sơ thẩm bị hủy nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSBD-P7 ngày 17/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo quy định pháp luật.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ

luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Trọng A, Nguyễn Đình L và Nguyễn Văn K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - TP.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - TP.HCM);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - TP.HCM);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức